

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 8303 : 2009

Xuất bản lần 1

QUY TRÌNH SƠ HỌA DIỆN BIẾN LÒNG SÔNG

Instruction on preliminary of river changes



HÀ NỘI - 2009

Mục lục

	Trang
Lời nói đầu	4
1 Phạm vi áp dụng	5
2 Thuật ngữ và định nghĩa	5
2.1 Đê sông	5
2.2 Cấp đê	5
2.3 Dòng chủ lưu	5
2.4 Lưu lượng tạo lòng	6
2.5 Bãi già	6
2.6 Mặt cắt đo đạc	6
3 Yêu cầu đối với người làm công tác sơ họa diễn biến lòng sông	6
4 Yêu cầu sơ họa diễn biến lòng sông	6
5 Nội dung sơ họa	7
5.1 Sơ họa sự thay đổi của các bãi bồi trong lòng sông	7
5.2 Sơ họa tình hình xói, lở bờ sông	7
5.3 Sơ họa vị trí và dòng hướng chủ lưu mùa kiệt, mùa nước trung và mùa nước lũ	7
6 Công tác chuẩn bị	7
6.1 Bản đồ gốc	7
6.2 Xác định mặt cắt đo đạc	8
6.3 Xác định cao trình mặt nước chuẩn	8
6.4 Dụng cụ dùng cho công tác sơ họa	8
7 Công tác quan trắc và sơ họa ngoài thực địa	9
7.1 Quan trắc và sơ họa các bãi bồi ven bờ	9
7.2 Quan trắc và sơ họa các bãi nổi giữa sông	10
7.3 Quan trắc và sơ họa vùng bờ đang bị xói lở, bồi lắng	10
7.4 Quan trắc và sơ họa dòng chủ lưu	12
8 Công tác chỉnh lý tài liệu và vẽ sơ họa trên bản đồ gốc	12

Lời nói đầu

TCVN 8303 : 2009 được chuyển đổi từ 14 TCN 23 : 2002 theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và điểm a, khoản 1 điều 7 của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

TCVN 8003 : 2009 do Trung tâm Khoa học và Triển khai kỹ thuật thủy lợi thuộc trường Đại học Thủy lợi biên soạn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Quy trình sơ họa diễn biến lòng sông

Instruction on preliminary of river changes

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này qui định trình tự và phương pháp thực hiện sơ họa diễn biến lòng sông có đê từ cấp III trở lên.

Đối với các sông có đê từ cấp IV trở xuống và các sông quan trọng nhưng không có đê, khi cần sơ họa diễn biến lòng sông có thể tham khảo áp dụng tiêu chuẩn này.

2 Thuật ngữ và giải thích

2.1

Đê sông (River embankment)

Công trình ngăn nước lũ của sông, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phân loại, phân cấp theo quy định của pháp luật.

2.2

Cấp đê (Grade of dike)

Căn cứ để xác định các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc phải tuân thủ theo các mức khác nhau phù hợp với quy mô và tầm quan trọng của đê, là cơ sở và căn cứ pháp lý để quản lý đê điều.

Theo quy định được phân thành 6 cấp gồm cấp Đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III, cấp IV và cấp V. Đê cấp Đặc biệt có yêu cầu kỹ thuật cao nhất và giảm dần ở các cấp thấp hơn. Đê cấp V có yêu cầu kỹ thuật thấp nhất.

2.3

Dòng chủ lưu (Mainstream)

Phần dòng chảy của sông có vận tốc lớn nhất. Dòng chủ lưu thường chảy qua khu vực sâu nhất của mặt cắt ngang sông.